

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Văn Vệ.

Ông Tăng Thiện Tính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Hồng N, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực I, khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị A, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Võ Hồng N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn nhưng khoảng 01

năm nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh D không lo làm ăn để lo cho vợ con. Chị N xét thấy mâu thuẫn hôn nhân đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn D có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 07/3/2019, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có mượn tiền của bà A nên không đồng ý trả số tiền 45.000.000 đồng theo yêu cầu của bà A.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Hồng N kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống giữa anh và chị N không có xảy ra cự cãi nên anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị N.

Về con chung: Anh và chị Võ Hồng N có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 07/3/2019, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu.

Về nợ chung: Quá trình chung sống với chị Võ Hồng N, anh có mượn tiền của mẹ ruột anh là bà Trần Thị A, cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C số tiền 45.000.000 đồng. Khi mượn tiền có cha anh là ông Nguyễn Quốc K và em của anh là Nguyễn Ru Y địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C chứng kiến, ngoài ra không có ai. Nay anh đồng ý trả cho bà A ½ số nợ, còn lại ½ số nợ chị N có trách nhiệm trả cho bà A.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị A trình bày:*

Trong quá trình anh Nguyễn Văn D và chị Võ Hồng N chung sống với nhau bà có cho anh D và chị N mượn số tiền là 45.000.000 đồng cụ thể như sau: Lần 1 cho mượn 10.000.000 đồng vào ngày 22/8/2018 âm lịch, đưa tiền trực tiếp cho vợ chồng anh D có chồng bà là ông Nguyễn Quốc K và con bà là anh Nguyễn Ru Y địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C chứng kiến. Lần 2 cho mượn 35.000.000 đồng vào ngày 06/11/2018 âm lịch, đưa tiền tại Khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, khi đó có mẹ chị N là bà Võ Việt N1 địa chỉ: Khu vực I, khóm 2, thị trấn N, huyện N chứng kiến. Các lần cho mượn đều không làm biên nhận vì bà nghĩ là con trong gia đình, khi vay anh D và chị N nói là để mua đồ trẻ em may sẵn về bán. Nay chị N và anh D ly hôn với nhau bà yêu cầu anh D và chị N có trách nhiệm trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Hồng N khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D, địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Hồng N và anh Nguyễn Văn D kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị N trình bày trong quá trình chung sống khoảng 01 năm nay vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không còn hợp nhau. Nay chị N xét thấy hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và chị không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu được ly hôn. Anh D xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị N không có mâu thuẫn và anh còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay đã một thời gian nhưng anh D không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để chị N quay về chung sống. Đồng thời, tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh D và cương quyết ly hôn. Mặc khác, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.....”. Từ những nhận định nêu trên cho thấy chị N với anh D đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Hồng N cho chị Võ Hồng N được ly hôn với Nguyễn Văn D (chị N và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 05/9/2017).

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Võ Hồng N và anh Nguyễn Văn D có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 07/3/2019, hiện đang sống cùng với chị N, chị N và anh D đều có yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, từ khi chị N và anh D không sống với nhau thì người con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng

thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Mặc khác, con chung của chị N và anh D hiện nay dưới 36 tháng tuổi và do chị N trực tiếp nuôi. Do đó, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Võ Hồng N trực tiếp nuôi là phù hợp.

Anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này nhưng anh D không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Võ Hồng N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Võ Hồng N không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị A xác định trong quá trình chung sống anh Nguyễn Văn D và chị Võ Hồng N có mượn tiền của bà A số tiền là 45.000.000 đồng, nay anh D và chị N ly hôn với nhau, bà A yêu cầu anh D và chị N phải có nghĩa vụ trả nợ. Anh D thừa nhận có nợ số tiền như bà A trình bày và đồng ý trả cho bà A $\frac{1}{2}$ số nợ. Chị N xác định trong quá trình chung sống với anh D không có mượn tiền của bà A như bà A với anh D trình bày nên chị N không đồng ý trả theo yêu cầu của bà A. Mặc dù, bà A và anh D xác định số tiền 45.000.000 đồng là khoản nợ chung của chị N và anh D nhưng bà A và anh D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ 45.000.000 đồng là nợ chung của anh D và chị N. Đồng thời, chị N cũng không thừa nhận số tiền 45.000.000 đồng là nợ chung nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu chị N có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Tuy nhiên, anh D thừa nhận việc có mượn tiền của bà A và đồng ý trả cho bà A $\frac{1}{2}$ nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ riêng của anh D nên được ghi nhận buộc anh D có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07 tháng 6 năm 2021, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019790 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu. Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.125.000 đồng.

Bà Trần Thị A được miễn án phí dân sự có giá ngạch, bà Ánh đã dự nộp số tiền 1.125.000 đồng được nhận lại.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm chỉ Võ Hồng N, anh Nguyễn Văn D, bà Trần Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Hồng N, cho chị Võ Hồng N được ly hôn với Nguyễn Văn D (chị N và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 05/9/2017).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Võ Hồng N trực tiếp nuôi.

Anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này nhưng anh D không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Võ Hồng N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Võ Hồng N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ: Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị A số tiền 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07 tháng 6 năm 2021, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019790 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.125.000 đồng.

Bà Trần Thị A được miễn án phí dân sự có giá ngạch, bà Ánh đã dự nộp số tiền 1.125.000 đồng được nhận lại.

Bản án sơ thẩm chị Võ Hồng N, anh Nguyễn Văn D, bà Trần Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi